

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số : 48/2018/HSST

Ngày 11/10/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Phùng Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân.

2. Ông Tô Đình Trị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện nhân dân T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên .

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2018/TLHS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-HS ngày 31/8/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: T M)

Sinh năm 1988. Tại: huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Trú tại: Tổ 8, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Con ông: Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1965; Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1961;

Vợ: Lê Thị Thu T1, sinh năm: 1990, Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm: 2015, con nhỏ sinh năm: 2018;

Tiền án: - Ngày 08/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự:

- Ngày 16/8/2016, bị Công an huyện T xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Ngày 16/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 12 tháng.

Bị bắt tạm giam từ ngày 04/10/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giam Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Lê Ngọc S, sinh năm 1987

Trú tại: Tổ 5, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đức S, sinh năm 1991
Trú tại: Tổ 6, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961
Trú tại: Tổ 8, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Phan Hùng C, sinh năm 1984
Trú tại: Tổ 8, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964
Trú tại: Tổ 4, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

3. Anh Lê Hoàng L, sinh năm 1983
Trú tại: Tổ 4, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

4. Anh Huỳnh Ngọc V, sinh năm 1985
Trú tại: Thôn Q 2, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 24/4/2018, Nguyễn Văn T đang ở nhà nghỉ Lucky thì nhận được điện thoại của vợ mình là chị Lê Thị Thu T1 nói với T là có anh Lê Ngọc S đến nhà tìm T để đòi lại 120.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động mà T đã mượn của anh S cách đó mấy ngày. Sau khi nghe điện thoại của chị T1 xong, T đi về nhà mình thì bị ông Nguyễn Văn Q là cha ruột của T la rầy vì chơi bời ở ngoài để người khác tới nhà gây gỗ. Nghe vậy, T tức giận đi xuống nhà dưới cầm theo con dao dài khoảng 40cm, có cán dài khoảng 10cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài khoảng 30cm, bản dao rộng khoảng 05cm, mũi nhọn đi tìm anh S để đánh. T đi bộ từ nhà mình đến nhà anh Nguyễn Đức S mượn xe mô tô biển kiểm soát biển kiểm soát 43H3-1378 và kẹp con dao vào ba-ga giữa của xe mô tô đi tìm anh S. T đi đến khu vực cầu Hà Kiều thị trấn H thì gặp anh Phan Hùng C đang ngồi nhậu với nhóm bạn tại quán ông Nguyễn Văn H, tại: Tổ 4, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam. T đi tới hỏi anh C “*Làm chi tới nhà tau quậy*”, anh C trả lời: “*Hồi chiều chừ ngồi nhậu chừ làm chi tới nhà T quậy*”. Sau đó, T điều khiển xe bỏ đi tìm anh S, còn anh C nhậu được một lúc thì vào nhà anh S rủ anh S ra quán ông H nhậu chung. T đi lên nhà anh S để tiếp tục tìm anh S nhưng không thấy anh S ở nhà. Đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, T quay trở lại khu vực cầu Hà Kiều. Anh S thấy T chạy xe ngang qua chỗ mình ngồi thì lên tiếng gọi T. T chạy xe qua khỏi cầu Hà Kiều rồi dựng xe tại đường Lý Tự Trọng, thị trấn H, T cầm con dao đi bộ qua cầu tiến về phía anh S, anh S cũng đi bộ về phía T, cả hai gặp nhau trên cầu Hà Kiều và cãi nhau. Anh C lúc này đang ngồi tại bàn nhậu cách T và anh S khoảng 15m liền chạy tới can ngăn. Khi anh C chạy đến cách T và anh S khoảng 03m thì T cầm con dao đánh từ trên đánh xuống trúng vào vai trái của anh S một cái gây thương tích. Anh C

chạy tới ôm T lại, T vùng chạy làm anh C té ngã xuống cầu Hà Kiều. Anh S bị T đánh thì bỏ chạy về nhà và được người thân đưa đi cấp cứu ở Bệnh viện đa khoa Thăng Hoa, sau đó được chuyển vào Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam điều trị đến ngày 27/4/2018 thì xuất viện.

Tại Bản giám định thương tích số 169/GĐTT.18 ngày 15/5/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận: Anh Lê Ngọc S bị thương tích với tỉ lệ thương tích là 15% (*Mười lăm phần trăm*).

Tại bản cáo trạng số: 44/CT-VKS ngày 24/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận: Trước đó S và C có đưa cho bị cáo 120.000 đồng và 01 điện thoại cục gạch nhờ mua ma túy nhưng bị cáo không mua được. Sau đó bị cáo đã tiêu hết tiền và bị cáo đã nói với anh S sẽ trả lại tiền và điện thoại sau. Nhưng anh S vẫn đến nhà bị cáo quậy phá đòi tiền. Bực tức bị cáo đã lấy dao đi tìm anh S để đánh. Khi gặp S bị cáo và S cãi vã nhau trên cầu. Sau đó bị cáo chém S một nhát vào vai trái. S dung bình xịt hơi cay xịt vào mặt bị cáo. Diễn biến sự việc như cáo trạng đã truy tố là đúng. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo giảm nhẹ cho bị cáo.

* Bị hại anh Lê Ngọc S khai có trong hồ sơ: Trước đó hai ngày T có mượn của S điện thoại nhưng không trả. Hôm đó C có rủ S ra quán chú H nhậu chơi thì S thấy T chạy qua. S gọi T quay lại, T đi bộ trên cầu. S cũng đi bộ đến và S nói T trả điện thoại cho tôi thì T nói đéo trả. S và T chửi nhau thì C đến can ngăn. T dùng dao chém S, S né qua phải thì bị trúng vào vai trái ngã xuống đất. C ôm T can ngăn ra và S chạy về nhà sau đó đi viện điều trị. Bị hại S có đơn xin bãi nại về dân sự và giảm nhẹ về hình sự cho bị cáo T.

* Người liên quan Phan Hùng C khai: Trước đó T có gặp C và mượn C điện thoại để gọi. C không có nên mượn điện thoại của S đưa cho T. Sau đó T không trả và S có đòi nhưng T không trả lại điện thoại cho S. Tối ngày 24/4/2018 T có gặp S trên cầu Hà Kiều và hai bên đã to tiếng cãi vã với nhau. C sợ xảy ra đánh nhau nên chạy đến can ngăn, thì lúc này T dùng dao mang theo chém vào S. C ôm T lại và bảo S chạy đi.

* Lời khai của bà Nguyễn Thị N: Chiếc xe Tuấn đi đã cũ kỹ và thường dựng phía trước tiệm của bà. Hôm T bị bắt bà không để ý đến chiếc xe và không biết hiện nay chiếc xe ở đâu. Còn giấy bãi nại bà cam đoan là do bị hại S ký. Gia đình bà đã bồi thường tiền và gia đình S chỉ nhận 6.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm chém anh S bị thương tích 15%. Do vậy, bản cáo trạng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết

tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo Nguyễn Văn T bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại Điều h Khoản 1 Điều 52 BLHS; Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T cũng có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng cũng đã tác động gia đình bị cáo bồi thường cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ. Nên bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ này. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân không tốt, đã từng có tiền án tiền sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 24 đến 30 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại và đã được bãi nại nên không đề cập giải quyết.

* *Vật chứng của vụ án*: Con dao mà Nguyễn Văn T dùng để gây thương tích cho anh Lê Ngọc S có đặc điểm dài khoảng 40cm, có cán dài khoảng 10cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài khoảng 30cm, bản dao rộng khoảng 05cm, mũi nhọn (theo lời khai của T). Sau khi dùng dao gây thương tích cho anh Lê Ngọc S, T đã đem con dao về nhà, dùng sơn màu hồng xịt lên phần lưỡi dao và để con dao dưới gầm tủ bếp. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã đến nhà T truy tìm con dao mà T dùng vào việc phạm tội nhưng không tìm được.

Đối với 01 xe mô tô BKS 43H3-1378 là phương tiện mà T sử dụng để đi tìm đánh anh S gây thương tích. Chiếc xe này T mượn của anh Nguyễn Đức S. Sau khi gây án, T giao xe mô tô trên cho bà Nguyễn Thị N mẹ ruột của T quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, bà N khai báo chiếc xe mô tô BKS 43H3-1378 đã bị mất trộm nhưng là xe cũ, giá trị nhỏ nên bà N không báo mất đến cơ quan Công an. Cơ quan Công an huyện T đã xác minh làm rõ nguồn gốc xe mô tô 43H3-1378 như sau: Xe mô tô BKS 43H3-1378 do anh Trần Duy T (trú: Tổ 44, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng) đăng ký sở hữu. Qua xác minh xác định: Tại phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng hiện nay không có ai có tên Trần Duy T như trên giấy đăng ký xe mô tô BKS 43H3-1378 cư trú tại đây. Đối với anh Nguyễn Đức S qua xác minh thì hiện nay anh S không có mặt tại địa phương. Do vậy giao lại cho Cơ quan Công an huyện T tiếp tục điều tra giải quyết theo quy định của pháp luật đối với chiếc mô tô BKS 43H3-1378.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

Tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều đúng quy định pháp luật.

[2] Các căn cứ xem xét, đánh giá về tội danh và khung hình phạt:

- Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa. Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Căn cứ vào lời khai của bị hại, những người làm chứng và các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào bản giám định thương tích số 169/GĐTT.18 ngày 15/5/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận: Anh Lê Ngọc S bị thương tích với tỷ lệ thương tích là 15% (*Mười lăm phần trăm*).

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Giữa bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại anh Lê Ngọc S có mâu thuẫn với nhau trong việc mượn điện thoại. Do bức tức vì việc anh S đến nhà bị cáo đòi điện thoại nên bị cáo T tìm anh S để đánh. Vào khoảng 20 giờ 15 phút, ngày 24/4/2018, tại khu vực cầu Hà Kiều, thuộc thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, bị cáo T dùng 01 con dao dài khoảng 40cm, có cán dài khoảng 10cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài khoảng 30cm, bản dao rộng khoảng 05cm, mũi nhọn chém vào vai trái của anh Lê Ngọc S một cái gây thương tích. Hậu quả anh Lê Ngọc S bị thương tích với tỷ lệ 15%.

Đối chiếu với các quy định pháp luật, hành vi và hậu quả của bị cáo Nguyễn Văn T gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố đối với bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức, điều khiển và làm chủ hành vi của mình. Bị cáo là người đủ độ tuổi để chịu trách nhiệm hình sự với mọi tội phạm do mình gây ra. Nhưng do bị cáo coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác, bị cáo đã hung hãn dùng dao là hung khí nguy hiểm chém anh S gây thương tích cho anh S với tỷ lệ thương tích là 15%. Trong khi nguyên nhân của việc mâu thuẫn với nhau trước đó là do bị cáo mượn điện thoại của anh S nhưng không trả. Hành vi phạm tội của bị cáo không những gây ảnh hưởng đến sức khỏe cho cá nhân anh S mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an trong địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần phải xử phạt nghiêm minh bằng

Luật hình sự với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo.

- Xét nhân thân của bị cáo Nguyễn Văn T xuất thân là nhân dân lao động, có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo có vợ và các con còn rất nhỏ. Sau khi phạm tội bị cáo biết ăn năn hối cải và khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình. Đã cùng với gia đình bồi thường thiệt hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Tuy nhiên về nhân thân trước đây bị cáo đã có tiền án: Ngày 08/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 21/10/2014. Nhưng bị cáo chưa nộp vào công quỹ số tiền truy thu do thu lợi bất chính mà có. Nên bị cáo chưa được xóa án tích của lần phạm tội trước. Căn cứ vào các quy định hiện hành của pháp luật, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng. Tiền sự: ngày 16/8/2016, bị Công an huyện T xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Ngày 16/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 12 tháng đã chấp hành xong. Ngoài ra, vào ngày 14/9/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 04 tháng tù về tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì bị cáo có một tình tiết tăng nặng, hai tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 nên Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

- Xét hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Ngọc S có đơn yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo. Bị hại S không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Đối với xe mô tô BKS 43H3-1378 là phương tiện mà bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng để đi tìm đánh anh S gây thương tích. Chiếc xe này bị cáo T khai mượn của anh Nguyễn Đức S. Cơ quan điều tra xác minh thì hiện nay anh S không có mặt tại địa phương. Sau khi gây án, bị cáo T giao xe mô tô trên cho bà Nguyễn Thị N là mẹ của bị cáo quản lý. Tuy nhiên, bà N khai báo chiếc xe mô tô BKS 43H3-1378 đã bị mất trộm khi nào bà không rõ hơn nữa là xe cũ, giá trị nhỏ nên bà N không báo mất đến cơ quan Công an. Hiện nay cơ quan Công an huyện T đang tiếp tục điều tra giải quyết theo quy định của pháp luật là đúng. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về vật chứng: Con dao mà bị cáo Nguyễn Văn T dùng để gây thương tích cho anh Lê Ngọc S Cơ quan CSĐT Công an huyện T không truy tìm được nên không xem xét xử lý.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[8] Bị cáo, bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn T phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Văn T 24** (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 04/10/2018.

* Về án phí: Áp dụng các Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành

